**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
-----***-----

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 06073/VANMIEU/2026

## I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU
Địa chỉ: Thôn Sơn Trung, Xã Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 32060888
E-mail: vamico@gmail.com
Mã số doanh nghiệp: 0101338518
Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

- ISO 22000:2018 : HA 182
  Ngày cấp: 19/06/2024
- HACCP: HP 311
  Ngày cấp: 24/03/2025
  **Nơi cấp: Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng.**

## II. Thông tin về sản phẩm

**1. Tên sản phẩm: BÁNH DẺO NHÂN ĐẬU XANH**

**2. Thành phần:** Đường kính, nước, đậu xanh (16.9%), bột nếp, dầu thực vật, đường trehalose, chất giữ ẩm (INS422), INS 420 (ii)), chất ổn định (INS 1442), nước hoa bưởi tự nhiên, hương liệu tổng hợp (hương bưởi), chất điều chỉnh độ axit (INS 330), chất chống oxy hóa (INS 223), Chất bảo quản (INS 282, INS 202).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 45 ngày kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- **Quy cách đóng gói khối lượng tịnh**: 30 g, 50 g, 80 g, 100 g, 120 g, 150 g, 180 g, 200 g, 220 g, 250 g, 300 g, 350 g, 400 g, 450 g, 500 g, 1 kg, … và theo nhu cầu khách hàng.

- **Chất liệu bao bì**: Sản phẩm được bao gói từng chiếc trực tiếp trong túi màng OPP/CPP, BOPP/CPP, BOPP/MCPP, PE, … và chất liệu khác phù hợp quy định về vật liệu tiếp xúc thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam.
- Chịu trách nhiệm sản phẩm: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU
- Địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn Sơn Trung, xã Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**: (Có mẫu nhãn hàng hóa dự kiến đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm tham chiếu theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT – Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- TCVN 12940:2020 – Tiêu chuẩn quốc gia đối với bánh Dẻo

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

*Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2026*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 0101336578 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU X. QUỐC OAI - TP. HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Thanh

**CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU**
Địa chỉ: Thôn Sơn Trung, xã Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
-----***-----

# TIÊU CHUẨN CƠ SỞ (TCCS)

Sản phẩm bánh Dẻo nhân đậu xanh

TCCS: NDX18063/VANMIEU/2026

Tiêu chuẩn này do Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Văn Miếu biên soạn, áp dụng nội bộ từ ngày ban hành.

1. **Phạm vi áp dụng:** Tiêu chuẩn này áp dụng cho bánh dẻo nhân đậu xanh được sản xuất tại nhà máy của: Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Văn Miếu
   Địa chỉ: Thôn Sơn Trung, xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. **Tài liệu tham chiếu theo:**
   - QCVN 8-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm
   - QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm
   - QCVN 8-3:2012/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi sinh vật trong thực phẩm
   - Thông tư số 24/2019/TT-BYT – Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
   - TCVN 12941:2020 – Tiêu chuẩn quốc gia đối với bánh dẻo

3. **Thành phần nguyên liệu:**
   Đường kính, nước, đậu xanh (16.9%), bột nếp, dầu thực vật, đường trehalose, chất giữ ẩm (INS422), INS 420 (ii)), chất ổn định (INS 1442), nước hoa bưởi tự nhiên, hương liệu tổng hợp (hương bưởi), chất điều chỉnh độ axit (INS 330), chất chống oxy hóa (INS 223), Chất bảo quản (INS 282, INS 202).

4. **Mô tả sản phẩm:** Sản phẩm bánh dẻo nhân đậu xanh là bánh có lớp vỏ được làm từ bột nếp, có nhân từ đậu xanh, đường dùng ăn trực tiếp.

5. **Yêu cầu kỹ thuật**

**5.1: Yêu cầu cảm quan**

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | YÊU CẦU |
|---|---|---|
| 1 | Hình thái | Hình dạng bên ngoài bánh có hình đặc trưng theo từng loại khuôn mẫu, hoa văn rõ nét, không sứt vỡ, không bẹp méo, vỏ mỏng bao kín nhân. |
| 2 | Màu sắc | Vỏ bánh màu trắng, mềm, dẻo. |

| | | |
|---|---|---|
| 3 | Mùi, vị | Vị ngọt, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm. |
| 4 | Tạp chất lạ | Không có tạp chất lạ (nhìn bằng mắt thường) |

**5.2: Yêu cầu dinh dưỡng** (Giá trị dinh dưỡng thực tế có thể chênh lệch trong khoảng ± 20% so với giá trị công bố, ghi trên nhãn)

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | MỨC CÔNG BỐ | ĐVT/100g mẫu |
|---|---|---|---|
| 1 | Năng lượng | 332 | Kcal |
| 2 | Chất đạm | 3.51 | g |
| 3 | Carbohydrat | 71.2 | g |
| 4 | Đường tổng số | 35.3 | g |
| 5 | Chất béo | 3.71 | g |
| 6 | Natri | 77.4 | mg |

**5.3: Yêu cầu kim loại nặng** (Tham chiếu theo QCVN 8-2:2011/BYT)

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | MỨC TỐI ĐA | ĐVT |
|---|---|---|---|
| 1 | Chì (pb) | ≤ 0.2 | mg/kg |
| 2 | Cadmi (cd) | ≤ 0.1 | mg/kg |

**5.4: Yêu cầu vi sinh** (Tham chiếu theo QCVN 8-3: 2012/BYT)

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | MỨC TỐI ĐA | ĐVT |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | $\leq 10^4$ | Cfu/g |
| 2 | E. coli | ≤ 20 | Cfu/g |
| 3 | Staphylococci dương tính với coagulase | ≤ 20 | Cfu/g |
| 4 | Salmonella spp. | KPH | /25g |
| 5 | Tổng số nấm men, nấm mốc | ≤ 150 | Cfu/g |

**5.5: Độc tố vi nấm** (Tham chiếu theo QCVN 8-1:2011/BYT)

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | MỨC TỐI ĐA | ĐVT |
|---|---|---|---|
| 1 | Aflatoxin B1 | ≤ 2 | µg/kg |
| 2 | Aflatoxin tổng số | ≤ 4 | µg/kg |
| 3 | Ochratoxin A | ≤ 3 | µg/kg |
| 4 | Deoxynivalenol | ≤ 500 | µg/kg |
| 5 | Zearalenone | ≤ 50 | µg/kg |

**5.6: Chất bảo quản:** Sử dụng chất bảo quản theo đúng quy định của BYT

6. **Bao gói và ghi nhãn**

**6.1: Bao gói**

- Sản phẩm được bao gói từng chiếc trực tiếp trong túi màng OPP/CPP, BOPP/CPP, BOPP/MCPP, PE, … và chất liệu khác phù hợp quy định về vật liệu tiếp xúc thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
- Tên hàng hóa: Bánh dẻo nhân đậu xanh.
- Trọng lượng sản phẩm: 30 g, 50 g, 80 g, 100 g, 120 g, 150 g, 180 g, 200 g, 220 g, 250 g, 300 g, 350 g, 400 g, 450 g, 500 g, 1 kg, … hoặc theo nhu cầu của khách hàng.

**6.2: Ghi nhãn**

- **Nơi ghi nhãn:** Nhãn được in trực tiếp trên bao bì đựng sản phẩm hoặc in trên giấy decan.
- Xuất xứ hàng hóa: Sản xuất tại Việt Nam.

7. **Bảo quản và hạn sử dụng**
   - Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
   - Hạn sử dụng: Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì.
8. **Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm dùng ăn trực tiếp.
9. **Thông tin cảnh báo:** Không dùng sản phẩm khi hết hạn sử dụng, bị mốc hoặc có mùi vị lạ. Không sử dụng nếu có dị ứng với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm. Bên trong gói bánh có gói hút oxy, không được ăn gói này.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm nếu có sai sót.

*Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2026*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 0101338518 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU
X. QUỐC OAI - TP. HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Thanh

# TESTING REPORT/
# *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

Form code/ *Mã biểu mẫu:* NTL-TT04-BM02 LBH.09

## I. CLIENT INFORMATION/ *THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:*

| | | |
|---|---|---|
| Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) | : | CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU |
| Address (*Địa chỉ*) | : | Thôn Sơn Trung, Xã Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |

## II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ *THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:*

| | | |
|---|---|---|
| JOB No. (*Số phiếu yêu cầu phân tích*) | : | KN14216006 |
| Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) | : | Bánh dẻo nhân đậu xanh |
| Sample description (*Mô tả mẫu*) | : | Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn |
| Seal No (*Số niêm*) | : | Không niêm phong |
| Source of sample (*Nguồn mẫu*) | : | Khách hàng gửi mẫu |
| Sampling on (*Ngày lấy mẫu*) | : | - |
| Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) | : | 06/09/2025 |
| Sample tested on (*Ngày phân tích*) | : | 06/09/2025 |
| Report date (*Ngày trả kết quả*) | : | 15/09/2025 |
| Sample retention time (*Thời gian lưu mẫu*) | : | 30/09/2025 |

Note / *Ghi chú:*

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
7. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả*
8. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK*

**Authorized Technical Representative**
***Phụ trách kỹ thuật***

***ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH***

**On behalf of NATEK**
***Đại diện NATEK***

***HOÀNG VĂN HUYNH***

# TESTING REPORT/
# *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*



| | |
|---|---|
| **Code/** *Mã mẫu*: | **KN14216006/1** |
| **Sample name/** *Tên mẫu*: | Bánh dẻo nhân đậu xanh |
| **Information provided by applicant/** *(Thông tin được khách hàng cung cấp)* | Bánh dẻo nhân đậu xanh |

| **Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích* | **Test Method/** *Phương pháp* | **Unit/** *Đơn vị* | **LOD** | **Result/** *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|
| Đường tổng số(1) | NTL-HH 1091 Ref. TCVN 4594:1988 | g/100g | / | 35.3 |
| Năng lượng(1) | NTL-HH 279 Ref. FAO food energy 02:2003 | kcal/100g | / | 332 |
| Carbohydrate(1) | NTL-HH 280 Ref. FAO food energy 02:2003 | g/100g | / | 71.2 |
| Chất Đạm(1) | NTL-HH1132 (Ref: AOAC 991.20) | g/100g | / | 3.51 |
| Chất béo(1) | NTL-HH1135 (Ref: AOAC 963.15) | g/100g | / | 3.71 |
| Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase(1) | ISO 6888-1:2021/Amd.1:2023 | CFU/g | / | <10 |
| Salmonella spp.(1) | ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020 | Phát hiện/25g | eLOD50= 3 CFU/25g | ND |
| Nấm men, mốc(1) | ISO 21527-2:2008 | CFU/g | / | <10 |
| E.coli(1) | ISO 7251:2005/Amd.1:2023 | Phát hiện/g | eLOD50= 1 CFU/g | ND |
| Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)(1) | ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022 | CFU/g | / | <10 |
| Natri (Na)(1) | TCVN 10916: 2015 | mg/100g | 0.500 | 77.4 |
| Chì (Pb)(1) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0.010 | 0.090 |
| Cadimi (Cd)(1) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0.002 | 0.012 |
| Kali sorbate (tính theo acid sorbic)(1) | NTL-HH332 Ref. TCVN 8122:2009 (ISO 22855:2008) | mg/kg | 3.00 | 362 |
| Zearalenone(1) | NTL-HH619 Ref. TFAC-2008-393.R1 | µg/kg | 50.0 | ND |
| Ochratoxin A(1) | NTL-HH619 Ref. TFAC-2008-393.R1 | µg/kg | 0.500 | ND |
| Deoxynivalenol(1) | NTL-HH619 Ref. TFAC-2008-393.R1 | µg/kg | 50.0 | ND |
| Aflatoxin tổng số(1) | NTL-HH619 Ref. TFAC-2008-393.R1 | µg/kg | 0.500 | ND |
| Aflatoxin B1(1) | NTL-HH619 Ref. TFAC-2008-393.R1 | µg/kg | 0.500 | ND |
| Methyl Bromide(*) | MKL-HH721 Ref. Application Note 5994- 3073EN, 5990-3285EN, Agilent | µg/kg | 1.00 | ND |

# TESTING REPORT/
# *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

Form code/ *Mã biểu mẫu*: NTL-TT04-BM02 LBH.09

| | |
|---|---|
| **Code/** *Mã mẫu*: | **KN14216006/1** |
| **Sample name/** *Tên mẫu*: | Bánh dẻo nhân đậu xanh |
| **Information provided by applicant/** *(Thông tin được khách hàng cung cấp)* | Bánh dẻo nhân đậu xanh |

## NUTRITION FACTS

Servings Per Container

**Serving Size** **(100g)**

Amount Per Serving

**Calories** **332kcal(1390kJ)**

| | %Daily Value * |
|---|---|
| Total Fat 3.71g | 6.6% |
| Sodium 77.4mg | 3.9% |
| Total Carbohydrate 71.2g | 21.91% |
| Total Sugar 35.3g | |
| Protein 3.51g | |

*The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributers a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice

**Hướng dẫn sử dụng:**
Dùng ăn trực tiếp
**Bảo quản:**
Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời
**Thông tin cảnh báo:**
Không dùng sản phẩm khi hết hạn sử dụng hoặc có mùi vị lạ. Không sử dụng cho người dị ứng với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm. Trong sản phẩm có chứa gói hút oxy. Không được ăn gói này.

*Hình ảnh sản phẩm chỉ mang tính chất minh họa*

**CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU**
**Địa chỉ:** Thôn Sơn Trung, xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam
**Hotline**
0984 768 422

**Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD):** In trên bao bì
**Khối lượng tịnh:** xem trên bao bì sản phẩm
Sản xuất tại Việt Nam

M.S.D.N: 0101338519 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU
X. QUỐC OAI - TP. HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Thanh

VANMIEU

# Bánh Trung Thu
MOON CAKE

**Thành phần bánh dẻo nhân đậu xanh:**
Đường kính, nước, đậu xanh (16,9%), bột nếp, dầu thực vật, đường trehalose, chất giữ ẩm ( INS 422, INS 420(ii)), chất ổn định (INS 1442), nước hoa bưởi tự nhiên, hương liệu tổng hợp (hương bưởi), chất điều chỉnh độ axit (INS 330), chất chống oxy hóa (INS 223), chất bảo quản (INS 282, INS 202)

**Thông tin dinh dưỡng bánh dẻo nhân đậu xanh (Trên 100 g):**
Năng lượng: 332 Kcal, chất đạm: 3,51 g, Carbohydate: 71,2 g, đường tổng số: 35,3 g, chất béo: 3,71 g, Natri: 77,4 mg.

**Thành phần bánh dẻo nhân thập cẩm:**
Đường, nước, bột nếp, mứt bí, chất giữ ẩm ( INS 422, INS 420(ii)), đường trehalose, lạp xưởng, thịt lợn nạc, chất ổn định (INS 1442), mứt sen, vừng, hạt bí, hạt điều, nước hoa bưởi tự nhiên, muối, hương liệu tổng hợp (hương bưởi), chất điều chỉnh độ axit (INS 330), chất chống oxy hóa (INS 223), chất bảo quản (INS 282, INS 202)

**Thông tin dinh dưỡng bánh dẻo nhân thập cẩm (Trên 100 g):**
Năng lượng: 331 Kcal, chất đạm: 4,48 g, Carbohydate: 70,8 g, đường tổng số: 38,1 g, chất béo: 3,27 g, Natri: 94,9 mg.

**Thành phần bánh nướng nhân đậu xanh:**
Đậu xanh (33,9%), đường, bột mì, dầu thực vật, nước, Vừng, chất làm dầy (INS 1422), trứng gà, chất bảo quản (INS 282, INS 202).

**Thông tin dinh dưỡng bánh nướng nhân đậu xanh (Trên 100 g):**
Năng lượng: 373 Kcal, chất đạm: 6,24 g, Carbohydate: 63,6 g, đường tổng số: 30,3 g, chất béo: 10,4 g, Natri: 104 mg.

**Thành phần bánh nướng nhân thập cẩm:**
Bột mì, đường, mứt bí, mỡ lợn, lạp xưởng, bột nếp, dầu thực vật, thịt lợn nạc, tinh bột sắn, nước, vừng, hạt điều, trứng, hạt bí, mứt gừng (gừng, đường), mứt sen, mứt quất (quất, đường), mứt chanh (chanh, đường), trứng gà, lá chanh, muối, chất bảo quản (INS 282, INS 202).

**Thông tin dinh dưỡng bánh nướng nhân thập cẩm (Trên 100 g):**
Năng lượng: 445 Kcal, chất đạm: 6,27 g, Carbohydate: 56,1 g, đường tổng số: 28,5 g, chất béo: 21,8 g, Natri: 172 mg.

*Giá trị dinh dưỡng thực tế có thể chênh lệch trong khoảng +/- 20% giá trị công bố, ghi trên nhãn*

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

M.S.D.N: 0101338518 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU - X. QUỐC OAI - TP. HÀ NỘI

**Mã số doanh nghiệp: 0101338518**

*Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 02 năm 2003*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 25 tháng 03 năm 2026*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAN MIEU PROCESSING FOODSTUFFS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VAMICO CO ., LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Thôn Sơn Trung, Xã Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: *0903446268/ 02432060888* Số Fax:

Thư điện tử: *tavanhoai@gmail.com* Website:

**3. Vốn điều lệ :** 1.430.000.000 đồng.

*Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng*

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TẠ VĂN HOÀI | Việt Nam | Căn hộ A (19.1), tầng 19 - CT1, tòa nhà Vimeco, phố Nguyễn Chánh, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 800.000.000 | 55,940 | 030060000856 | |
| 2 | NGUYỄN HỮU XUÂN THÀNH | Việt Nam | Thôn 7, Xã Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 430.001.000 | 30,070 | 001071018111 | |
| 3 | NGUYỄN THỊ HÒA | Việt Nam | Phòng 19.1 Nhà CT1 Vimeco, phố Nguyễn Chánh, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 200.000.000 | 13,990 | 001165021837 | |

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN HỮU XUÂN THÀNH Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *17/01/1971* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *001071018111*

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 7, Xã Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**KT. TRƯỞNG PHÒNG**
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

**Trần Quang Hưng**

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
**VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG**

VICAS 083 - FSMS

# GIẤY CHỨNG NHẬN

**CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU**

Thôn Sơn Trung, xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

## ISO 22000:2018

Hệ thống Quản lý An toàn thực phẩm

cho lĩnh vực:

**Sản xuất và kinh doanh bánh, kẹo(*)**

**(Code: CIV; FI)**

Số giấy chứng nhận: **HA 182**; Mã số: **182-24-01/00**

Ngày chứng nhận lần đầu: **19 / 6 / 2024**

Hiệu lực Giấy chứng nhận: **Từ ngày 19 / 6 / 2024 đến ngày 18 / 6 / 2027**

(Để duy trì hiệu lực 3 năm Giấy chứng nhận, đơn vị phải hoàn tất thủ tục đánh giá giám sát Lần 1 trước ngày 18 / 6 / 2025, giám sát Lần 2 trước ngày 18 / 6 / 2026)

**HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN**
**CHỦ TỊCH**

**GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn**

ISSQ ISO 22000:2018

**KT. VIỆN TRƯỞNG**
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

**TS. Ngô Tất Thắng**

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn

Ghi chú: (*) Phạm vi được công nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-1:2015 & ISO/IEC 22003-1:2022

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

VICAS 083-FSMS

# GIẤY CHỨNG NHẬN

**CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU**

Thôn Sơn Trung, xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

## HACCP CODEX (CXC 1-1969), Rev 2020

Hệ thống Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn - HACCP

cho lĩnh vực:

**Sản xuất và kinh doanh bánh, kẹo(*)**

**(Code: CIV*; FI*)**

Số giấy chứng nhận: **HP 311**; Mã số: **311-25-01/00**

Ngày chứng nhận lần đầu: **24 / 3 / 2025**

Hiệu lực Giấy chứng nhận: **Từ ngày 24 / 3 / 2025 đến ngày 23 / 3 / 2028**

(Để duy trì hiệu lực 3 năm Giấy chứng nhận, đơn vị phải hoàn tất thủ tục đánh giá giám sát Lần 1 trước ngày 23 / 3 / 2026, giám sát Lần 2 trước ngày 23 / 3 / 2027)

**HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN**
**CHỦ TỊCH**

**GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn**

**KT. VIỆN TRƯỞNG**
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

**Lê Hữu Thắng**

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn

Ghi chú: - (*) Phạm vi được công nhận Hệ thống Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn phù hợp theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-1:2015 & ISO/IEC 22003-1:2022